

Bản án số: 06/2024/DS-ST

Ngày: 21-02-2024

V/v kiện đòi tài sản là di sản thừa kế.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thành Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tống Văn Tâm;
2. Ông Huỳnh Sơn Tây.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuyền, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 145/2023/TLST-DS ngày 06/6/2023 về việc: “Kiện đòi tài sản là di sản thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị N, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ 4, khu phố C, phường T, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Phạm Đỗ Thùy L, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 1, khu phố P, phường T, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 26/4/2023); có mặt.

Bị đơn: Ông Hồ Văn Q, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1954; cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Hồ Tấn K, sinh ngày 13/02/2008. Người đại diện hợp pháp: Bà Trương Thị N, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ 4, khu phố C, phường T, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- Ông Lê Văn N, sinh năm 1990 và bà Nguyễn Thị Kiều D, sinh năm 1991; cùng địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 26/4/2023, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 19/02/2024 và lời khai trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện trình bày:

Bà Trương Thị N là vợ của ông Hồ Thành K theo giấy chứng nhận kết hôn số 06 do Ủy ban nhân dân xã T cấp ngày 27/4/2007. Ông K là chủ sử dụng đất diện tích 646m² (nay còn lại là 567,9m² do Nhà nước thu hồi diện tích 78,1m² (HNK) theo Quyết định số 6325/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thị xã Tân Uyên để thực hiện công trình xây dựng kè chống sạt lở cù lao Rùa, vị trí cù lao Rùa) thuộc thửa số 56, tờ bản đồ số 13 tại xã T (nay là xã T), huyện (nay là thành phố) Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01945 QSDĐ/TU do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Tân Uyên cấp ngày 30/11/2004 cho ông Hồ Thành K. Sau khi kết hôn, bà N về chung sống với ông K tại căn nhà được xây dựng trên thửa đất số 56 và cùng ông K quản lý, sử dụng đất.

Ngày 29/9/2018, ông K chết theo Trích lục khai tử số 33/TLKT-BS do Ủy ban nhân dân xã Thạnh Hội cấp ngày 03/10/2018. Sau khi ông K chết bà N và con không sinh sống tại căn nhà trên thửa đất số 56 mà về nhà chị ruột tại khu phố C, phường T sống. Năm 2021, bà N liên hệ Cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục khai nhận di sản thừa kế của chồng để lại thì phát hiện ông Hồ Văn Q (là anh ruột của ông K) và bà Nguyễn Thị C (là dì ruột của ông K) đã cho người khác thuê lại căn nhà trên thửa đất số 56 và không đồng ý trả lại tài sản là di sản cho bà N và con trai của ông K, bà N là cháu Hồ Tấn K.

Do đó, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án như sau:

- Xác định quyền sử dụng đất có diện tích 567,9m² thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 13 tại xã T, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01945 QSDĐ/TU do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Tân Uyên cấp ngày 30/11/2004 cho ông Hồ Thành K và tài sản trên đất là di sản của ông Hồ Thành K chết để lại;

- Chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất có diện tích 567,9m² thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 13 tại xã T, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương và tài sản trên đất cho bà Trương Thị N và cháu Hồ Tấn K theo quy định của pháp luật;

- Buộc ông Hồ Văn Q và bà Nguyễn Thị C phải trả lại cho bà Trương Thị N và cháu Hồ Tấn K quyền sử dụng đất có diện tích 567,9m² thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 13 tại xã T, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01945 QSDĐ/TU do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Tân Uyên cấp ngày 30/11/2004 cho ông Hồ Thành K.

Người đại diện hợp pháp của cháu Hồ Tấn K là bà Trương Thị N trình bày: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Hồ Văn Q, bà Nguyễn Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn N, bà Nguyễn Thị Kiều D theo đúng quy định pháp luật nhưng ông Q, bà C, ông N và bà D không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

- Đại diện nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu: Xác định quyền sử dụng đất có diện tích 567,9m² thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 13 tại xã T, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01945 QSDĐ/TU do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Tân Uyên cấp ngày 30/11/2004 cho ông Hồ Thành K và tài sản trên đất là di sản của ông Hồ Thành K chết để lại; Chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất có diện tích 567,9m² thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 13 tại xã T, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương và tài sản trên đất cho bà Trương Thị N và cháu Hồ Tấn K theo quy định của pháp luật và diện tích đất 24,6m² thuộc thửa đất số 56.

- Đại diện nguyên đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau: Buộc ông Hồ Văn Q và bà Nguyễn Thị C phải trả lại cho bà Trương Thị N và cháu Hồ Tấn K di sản là quyền sử dụng đất có diện tích theo kết quả đo đạc thực tế là 543,3m² thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 13 tại xã T, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01945 QSDĐ/TU do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Tân Uyên cấp ngày 30/11/2004 cho ông Hồ Thành K và căn nhà trên thửa đất.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được công bố tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xét đơn khởi kiện của bà Trương Thị N yêu cầu ông Hồ Văn Q và bà Nguyễn Thị C phải trả lại di sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất có nguồn gốc là của ông Hồ Thành K đã chết nhưng không để lại di chúc mà hiện nay ông Q, bà C đang cho ông N, bà D thuê để ở. Như vậy, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Kiện đòi tài sản là di sản thừa kế”. Tài sản tranh chấp là bất động sản và bị đơn cư trú tại xã T, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Căn cứ các Điều 26, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai cho bị đơn ông Q, bà C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông N, bà D nhưng các đương sự đều vắng mặt không có lý do. Xét thấy việc ông Q, bà C, ông N và bà D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không phải vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, do đó quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Q, bà C, ông N và bà D theo qui định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

[1] Nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu xác định quyền sử dụng đất có diện tích 567,9m² thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 13 tại xã T, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01945 QSDĐ/TU do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Tân Uyên cấp ngày 30/11/2004 cho ông Hồ Thành K và tài sản trên đất là di sản của ông Hồ Thành K chết để lại; Chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất có diện tích 567,9m² thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 13 tại xã T, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương và tài sản trên đất cho bà Trương Thị N và cháu Hồ Tấn K theo đúng quy định pháp luật và diện tích đất 24,6m² thuộc thửa đất số 56. Xét thấy, việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã nêu của nguyên đơn.

[2] Về nguồn gốc tài sản tranh chấp:

[2.1] Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 56, tờ bản đồ số 13 và kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: Nguồn gốc đất ông K được di là bà C tặng cho năm 1998. Trên đất có 01 căn nhà cấp 4, căn nhà này không có giấy phép xây dựng và là nhà đại đoàn kết do ông K được nhà nước hỗ trợ một phần tiền để xây dựng căn nhà này. Ông K là người trực tiếp quản lý, sử dụng đất và tài sản trên đất từ khi được tặng cho đến khi mất.

[2.2] Về di sản thừa kế: Nguyên đơn xác định quyền sử dụng đất diện tích 543,3m² (theo kết quả đo đạc thực tế được thể hiện tại mảnh trích lục địa chính ngày 27/11/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Tân Uyên) thuộc thửa đất số 56 và căn nhà cấp 4 có kết cấu mái tôn, tường gạch xây tô, nền gạch men trên thửa đất số 56 là di sản do ông K để lại. Như phân tích tại mục

[2.1] thì có cơ sở xác định tài sản nêu trên là của ông Hồ Thành K và là di sản thừa kế.

[2.3] Về hàng thừa kế thứ nhất của ông Hồ Thành K: Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện ông Hồ Thành K, sinh năm 1973, mất ngày 29/9/2018 theo Trích lục khai tử số 33/TLKT-BS do Ủy ban nhân dân xã Thạnh Hội cấp ngày 03/10/2018. Ông Hồ Thành K có cha là ông Hồ Văn H và bà Nguyễn Thị C (đã chết trước ông K), vợ là bà Trương Thị N, ông Kh và bà N có 01 người con tên Hồ Tấn K. Như vậy, có cơ sở xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông K gồm vợ là bà N và cháu K.

[2.4] Nguyên đơn bà Trương Thị N cho rằng sau khi kết hôn thì bà N cùng ông K sinh sống tại căn nhà cấp 4 trên thửa đất số 56 nhưng sau khi ông K mất thì bà N không thường xuyên sinh sống. Đến năm 2021, bà N làm thủ tục khai nhận di sản thừa kế của ông K để lại thì phát hiện ông Q, bà C đã tự ý cho người khác thuê lại căn nhà cấp 4. Bà N có yêu cầu ông Q, bà C trả lại đất nhưng ông Q, bà C không đồng ý. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Q, bà C không giao nộp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình. Như đã phân tích tại các mục [2.2] và [2.3] thì tài sản tranh chấp là di sản ông K để lại, ông K chết không để lại di chúc. Căn cứ Điều 650 và 651 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì bà Trương Thị N và cháu Hồ Tấn K là người được hưởng di sản của ông K để lại; ông Hồ Văn Q là anh trai của ông K, bà Nguyễn Thị C là di ruột của ông K nên đối chiếu với quy định của Điều luật nêu trên thì không được hưởng di sản của ông K. Do đó, việc ông Q, bà C tự ý quản lý tài sản và cho người khác thuê lại là không có căn cứ nên bà N khởi kiện ông Q, bà C trả lại quyền sử dụng đất và tài sản thuộc thửa đất trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.5] Nguyên đơn cho rằng ông N, bà D thuê đất và đang sinh sống tại căn nhà cấp 4 trên thửa đất số 56. Theo kết quả xác minh của Tòa án tại Công an xã Thạnh Hội thể hiện ông N, bà D hiện đang sinh sống tại căn nhà cấp 4 trên thửa đất số 56 để ở. Quá trình giải quyết vụ án ông N, bà D không có văn bản trình bày ý kiến và cung cấp chứng cứ chứng minh tài sản thuê và việc tạo lập tài sản trên phần đất tranh chấp là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Mặt khác, tại biên bản xác minh của Tòa án với chính quyền địa phương xác định quá trình thuê đất, ông N và bà D không có tạo lập, sửa chữa, tôn tạo thêm tài sản gì trên phần đất thuê. Ông N, bà D không cung cấp chứng cứ chứng minh cho việc thuê nhà với bà C, ông Q nên nếu có phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

Từ phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu theo quy định tại Điều 157 và Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 217, 227, 228, 244 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 612, 613, 623, 649, 650 và 651 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ các điều 97, 100, 166 và 167 của Luật Đất đai;

- Căn cứ vào khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử sơ thẩm một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị N đối với yêu cầu xác định quyền sử dụng đất có diện tích 567,9m² thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 13 tại xã T, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01945 QSDĐ/TU do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Tân Uyên cấp ngày 30/11/2004 cho ông Hồ Thành K và tài sản trên đất là di sản của ông Hồ Thành Kh chết để lại; Chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất có diện tích 567,9m² thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 13 tại xã T, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương và tài sản trên đất cho bà Trương Thị N và cháu Hồ Tấn K theo đúng quy định pháp luật và diện tích đất 24,6m² thuộc thửa đất số 56 theo đơn khởi kiện ngày 26/4/2023.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị N đối với bị đơn ông Hồ Văn Q, bà Nguyễn Thị về việc: “Kiện đòi tài sản là di sản thừa kế”.

Buộc ông Hồ Văn Q và bà Nguyễn Thị C phải trả lại cho bà Trương Thị N và cháu Hồ Tấn K quyền sử dụng đất diện tích 543,3m² thuộc thửa đất số 56, tờ bản đồ số 13 tại xã T, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương và tài sản trên đất là căn nhà cấp 4 (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Buộc ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị Kiều D tự di dời đi nơi khác để trả lại nguyên trạng căn nhà cấp 4 trên thửa đất số 56, tờ bản đồ số 13 tại xã T, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương cho bà Trương Thị N.

3. Về chi phí đo đạc, định giá: Ông Hồ Văn Q và bà Nguyễn Thị C phải liên đới nộp số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) để trả lại cho bà Trương Thị N.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Hồ Văn Q và bà Nguyễn Thị C phải liên đới nộp số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Trương Thị N số tiền tạm ứng án phí 5.300.000 đồng (*Năm triệu ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0007717 ngày 30/5/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tổng Văn Tâm – Huỳnh Sơn Tây

Võ Thành Hiệp